

SỞ Y TẾ NINH BÌNH
BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI

DANH MỤC HÓA CHẤT SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN NĂM 2016-2017

| STT theo QĐ 1360 | Tên hóa chất | Tên thương mại | ĐV tính | Số lượng | Đơn giá (có VAT) |
|------------------|---|---|---------|----------|------------------|
| 8 | Albumin | Albumin | Hộp | 4 | 430,000 |
| 16 | Autocal H 3ml | Autocal H 3ml | Lọ | 8 | 620,000 |
| 21 | Bilirubin T | Bilirubin T | Hộp | 2 | 1,142,000 |
| 25 | Calcium | Calcium | Hộp | 1 | 759,000 |
| 33 | Cholesterol FL | Cholesterol FL | Hộp | 4 | 805,000 |
| 44 | Creatinin | Creatinin | Hộp | 10 | 1,268,000 |
| 53 | Glucose FL | Glucose FL | Hộp | 9 | 450,000 |
| 56 | GOT | GOT | Hộp | 10 | 1,168,000 |
| 60 | GPT | GPT | Hộp | 10 | 1,168,000 |
| 72 | Protein | Protein | hộp | 3 | 465,000 |
| 77 | Triglycerid FL | Triglycerid FL | Hộp | 4 | 1,920,000 |
| 82 | Ure Uv-FL | Ure Uv-FL | Hộp | 10 | 1,045,000 |
| 86 | Uric Acid | Uric Acid | Hộp | 2 | 1,228,000 |
| 115 | DD chuẩn (Standard Sol.1) | DD chuẩn (Standard Sol.1) | Gói | 10 | 3,740,000 |
| 116 | DD chuẩn (Standard Sol.2) | DD chuẩn (Standard Sol.2) | Gói | 8 | 1,980,000 |
| 117 | Hóa chất rửa máy điện giải (Washing solution) | Hóa chất rửa máy điện giải (Washing solution) | Lọ | 2 | 1,850,000 |
| 202 | ABX Miniclean | ABX Miniclean | Chai | 20 | 2,100,000 |
| 203 | ABX Minidil LMG | ABX Minidil LMG | Can | 15 | 2,800,000 |
| 205 | ABX Minilyse LMG | ABX Minilyse LMG | Chai | 10 | 1,800,000 |
| 206 | ABX Minoclair | ABX Minoclair | Chai | 1 | 1,100,000 |
| 207 | Máu chuẩn | Máu chuẩn | Lọ | 2 | 2,520,000 |
| 243 | HBsAg | HBsAg | Test | 300 | 13,800 |

| | | | | | |
|-----|--------------------------------------|--------------------------------------|--------|-------|-----------|
| 251 | SD Bioline HBsAg Strip | SD Bioline HBsAg Strip | Test | 300 | 18,200 |
| 253 | SD Bioline HIV 1/2 3.0 | SD Bioline HIV 1/2 3.0 | Test | 300 | 29,500 |
| 261 | Test thử nước tiểu 10 thông số | Test thử nước tiểu 10 thông số | Test | 3,500 | 2,200 |
| 266 | Giêm sa mẹ | Giêm sa mẹ | Chai | 4 | 250,000 |
| 275 | Bactec Mgit 960 Supplement | Bactec Mgit 960 Supplement | Hộp | 12 | 3,110,000 |
| 281 | Microbiology blood Agar 500g | Microbiology blood Agar 500g | Hộp | 1 | 1,352,000 |
| 282 | Môi Trường Brain BHI | Môi Trường Brain BHI | Hộp | 1 | 1,502,000 |
| 286 | Tube BacTec mgit 7ml | Tube BacTec mgit 7ml | Hộp | 12 | 7,190,000 |
| 310 | Khoanh giấy oxydase | Khoanh giấy oxydase | Khoanh | 50 | 6,800 |
| 345 | Nước cất 1 lần | Nước cất 1 lần | Lít | 150 | 7,000 |
| 353 | Thuốc rửa phim XQ | Thuốc rửa phim XQ | Bộ | 5 | 750,000 |
| 235 | Cartridge Đo BG/Hc (Máy khí máu) | Cartridge Đo BG/Hc (Máy khí máu) | Test | 900 | 148,500 |
| 236 | Capillary lấy máu động mạch 150ul | Capillary lấy máu động mạch 150ul | Hộp | 6 | 3,500,000 |

| |
|--|
| Cty TNHH ĐT PT và TM Thành Long |
| Cty TNHH ĐT PT và TM Thành Long |
| Cty TNHH ĐT PT và TM Thành Long |
| Cty TNHH ĐT PT và TM Thành Long |
| Cty TNHH TBYT Phương Đông |
| Cty TNHH Thiết bị khoa học và y tế BMN |
| Cty TNHH Thiết bị khoa học và y tế BMN |
| Cty TNHH TBYT Phương Đông |
| Cty TNHH ĐT PT và TM Thành Long |
| Cty TNHH Tân Đại Dương |
| Cty TNHH Tân Đại Dương |
| Cty CP TBYT Xanh |
| Cty CP TBYT Xanh |

